CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: **119/CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM/2020**

(TCCS 119:2020/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 02513 -836601 Fax: 02513-836602

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 038/2020/ATTP-CNĐK / Ngày cấp: 12/02/2020/ Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **Bột kem NESTLÉ COFFEE MATE**
2. Thành phần: Sirô glucose, dầu thực vật đã hydrate hóa, *đạm sữa*, chất điều chỉnh độ acid 340(ii), chất chống đông vón 170(i), chất nhũ hóa (471, 472e), muối, hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

   Thông tin dành cho người dị ứng thực phẩm: có chứa *đạm sữa*
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng

   Ngày sản xuất (NSX): 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

   Hạn sử dụng (HSD): Xem "Best before" dưới đáy hộp
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

   Qui cách đóng gói: Sản phẩm được đóng vào màng nhôm phức hợp.

   Khối lượng tịnh: 453,7 g/ bịch

   Quy cách đóng gói: 24 bịch/ thùng
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty Nestlé (Thái) Ltd., 234-5 Bangpoo Industrial Estate, Moo 4, Sukhumvit Rd., Praeksa, Mueang, Samutprakarn, Thái Lan 10280.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *Có nhãn đính kèm*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.8)

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Quyết định số 38/2018/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

3. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

-Tiêu chuẩn vi sinh theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (Bản thông tin chi tiết sản phẩm)

-Tiêu chuẩn kim loại nặng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (Bản thông tin chi tiết sản phẩm)

-Tiêu chuẩn Aflatoxin tổng số (B+G) theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (Bản thông tin chi tiết sản phẩm)

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Biên Hòa, ngày 03 tháng 03 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM

Phan Trọng Chinh

Trưởng phòng kinh doanh phát triển ngành hàng

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG NAI	THỰC PHẨM THƯỜNG	TCCS số: TCCS 119:2020/NVL
CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM	**Bột kem Nestlé Coffee Mate**	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. Yêu cầu về các chỉ tiêu an toàn:

1.1 Các chỉ tiêu vi sinh vật :

Phù hợp với Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	TSVSVHK	cfu/g	10^5
2	*S.aureus*	cfu/g	100
3	*B.cereus*	cfu/g	100
4	*Salmonella*	/25g	Không có

1.2 Hàm lượng kim loại nặng:

Phù hợp với Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì	mg/kg	1,0
2	Thủy ngân	mg/kg	0,02
3	Thiếc	mg/kg	250
4	Arsen	mg/kg	2

1.3 Hàm lượng độc tố vi nấm:

Phù hợp với QCVN 8-1:2011/BYT:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

Phù hợp với tiêu chuẩn nhà sản xuất:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B+G	µg/kg	20

1.4 Giới hạn melamine có thể nhiễm chéo:

Phù hợp với quyết định 38/2008/QĐ-BYT : Quy định mức giới hạn melamine nhiễm chéo trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Melamine	mg/kg	2,5

2. Thành phần cấu tạo:

Sirô glucose, dầu thực vật đã hydrate hóa, *đạm sữa*, chất điều chỉnh độ acid 340(ii), chất chống đông vón 170(i), chất nhũ hóa (471, 472e), muối, hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa *đạm sữa*

3. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

Sản xuất bởi Công ty Nestlé (Thái) Ltd., 234-5 Bangpoo Industrial Estate, Moo 4, Sukhumvit Rd., Praeksa, Mueang, Samutprakarn, Thái Lan 10280.

Thương nhân nhập khẩu và tự công bố: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

TM CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM

M.S.D.N: 3600235305 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
T.P BIÊN HÒA - T.ĐỒNG NAI

Phan Trọng Chinh

Trưởng phòng kinh doanh phát triển ngành hàng

Nestlé (Thai) Ltd.
234-5 BANGPOO INDUSTRIAL ESTATE,
MOO 4 PRAEKSA, SUKHUMVIT ROAD,
AMPHUR MUANG, SAMUTPRAKARN
10280 THAILAND.
TEL : (66 2) 6487800

Nestlé
Good food, Good life

Date: 23rd Feb, 2021

PRODUCT SPECIFICATION

COFFEE CREAMER CNNN314

Product: (COFFEE-MATE®) Coffee Creamer 4
12458208 COFFEE-MATE CoffCrmr(CNNN314)24X453.7gVN
Manufacturing: Nestlé (Thai) Ltd., Thailand
Customer: Nestlé (VN) Ltd., Vietnam

Parameter	Unit	Norm	Reference
Microbiological Contaminants		**max**	
Aerobic mesophilic Counts	cfu/g	100,000	TH's regulation (MoPH No.208)
Salmonella	/25g	Absent in 25g	TH's regulation (MoPH No.416)
S.aureus	cfu/g	100	TH's regulation (MoPH No.416)
B.cereus	cfu/g	100	TH's regulation (MoPH No.416)
Chemical Contaminants	**Unit**	**max**	
Aflatoxin B+G	ug/kg	20	TH's regulation (MoPH No.414)
Aflatoxin M1	~~mg/kg~~ Mg/kg	0.5	VN's regulation
Lead	mg/kg	1.0	TH's regulation (MoPH No.414)
Mercury	mg/kg	0.02	TH's regulation (MoPH No.414)
Tin	mg/kg	250	TH's regulation (MoPH No.414)
Arsenic	mg/kg	2.0	TH's regulation (MoPH No.414)
Melamine	mg/kg	2.5	VN's regulation

Yours Faithfully,

Duangkamon Kittithaweesin
Factory Quality Assurance Manager

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00416ATP1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample
: **BỘT KEM NESTLÉ COFFEE MATE**

2. Mô tả mẫu
Sample description
: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in sealed package, without label.

3. Số lượng mẫu
Quantity
: 01

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving
: 15/01/2021

5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration
: 15/01/2021 - 25/01/2021

6. Nơi gửi mẫu
Customer
: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**
138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Q1,
Thành Phố Hồ Chí Minh

7. Kết quả thử nghiệm
Test results
: Xem trang / *See page* 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-00416ATP1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	$3{,}00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.2. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427:2010	$1{,}00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.3. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC (971.21))	$1{,}50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.4. Hàm lượng thiếc, mg/kg *Tin content*	QTTN/KT3 162:2017 (Ref: AOAC (985.16))	2,0	Không phát hiện *Not detected*
7.5. Hàm lượng aflatoxin M1, µg/kg *Aflatoxin M1 content*	QTTN/KT3 242:2019	0,02	Không phát hiện *Not detected*
7.6. Hàm lượng melamine, mg/kg *Melamine content*	QTTN/KT3 051:2018 (Ref: TCVN 9048:2012)	0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.7. Hàm lượng aflatoxin tổng ($B_1+B_2+G_1+G_2$), µg/kg *Total aflatoxin ($B_1+B_2+G_1+G_2$) content*	TCVN 7596:2007	$B_1 = G_1 = 0{,}25$ $B_2 = G_2 = 0{,}10$	Không phát hiện *Not detected*
7.8. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g *Total aerobic plate count*	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.9. *Staphylococcus aureus*, CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.10. *Bacillus cereus* giả định, CFU/g *Presumtive Bacillus cereus*	ISO 7932:2004	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.11. *Salmonella* spp./ 25 g	ISO 6579-1:2017	-	Không phát hiện *Not detected*

Ghi chú/*Notes*: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

eye mark 10x3 mm

Nutrition Information

Recommended serving size: 8 g

Average Composition	Per 100 g
Energy	548 kcal
Fat	34.59 g
Protein	2.16 g
Carbohydrate	57.05 g
Sodium	85 mg

Thông tin dinh dưỡng

Khẩu phần khuyến nghị: 8 g

Giá trị dinh dưỡng trung bình	Trong 100 g
Năng lượng	548 kcal
Chất béo	34,59 g
Chất đạm	2,16 g
Carbohydrate	57,05 g
Natri	85 mg

NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD)
HSD: Xem mục "Best before" trên bao bì sản phẩm
BEST BEFORE (DD/MM/YYYY)

USAGE INSTRUCTIONS:
Add 8 g of NESTLÉ COFFEE-MATE® Coffee Creamer to 100 ml of hot water. Add coffee, tea or sugar following your preference.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:
Hòa 8 g bột kem NESTLÉ COFFEE-MATE® vào 100 ml nước nóng. Thêm cà phê, trà và đường tùy theo khẩu vị.

Product of Thailand
Xuất xứ: Thái Lan
Manufactured by Nestlé (Thai) Ltd.
Sản xuất tại Nestlé (Thai) Ltd.
236-1, Bangpoo Industrial Estate, Moo 4, Sukhumvit Rd., Praeksa, Mueang, Samutprakarn, Thailand 10280.

Imported by Nestlé Vietnam Ltd.
No. 7, Street 17A, Bien Hoa 2 Industrial Park, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam
Nhập khẩu và tự công bố bởi:
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam
Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

(COFFEE-MATE®) COFFEE CREAMER 4
11-1-03946-6-0016

Tiêu chuẩn sản phẩm số:
TCCS 119: 2020/NVL

Nestlé.
Coffee mate®

Bột kem NESTLÉ COFFEE-MATE®
(COFFEE-MATE®) COFFEE CREAMER 4

STORAGE INSTRUCTIONS:
For best results after opening, store NESTLÉ COFFEE-MATE® Coffee Creamer in a cool, dry place. Avoid direct sunlight. No need to refrigerate.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:
Để đảm bảo chất lượng tốt nhất sau khi mở bao bì, bảo quản Bột Kem NESTLÉ COFFEE-MATE® ở nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp. Không cần bảo quản trong tủ lạnh.

INGREDIENTS:
Glucose syrup, fully hydrogenated vegetable oil, milk proteins, acidity regulator 340 (ii), anti-caking agent 170 (i), emulsifier (471, 472e), salt, synthetic flavouring.

THÀNH PHẦN:
Siro glucose, dầu thực vật đã hydrate hóa, đạm sữa, chất điều chỉnh độ acid 340 (ii), chất chống đông vón 170 (i), chất nhũ hóa (471, 472e), muối, hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.
Information for food allergic consumer: Contains Milk Proteins
Thông tin dành cho người dị ứng thực phẩm: Có chứa đạm sữa
Not to be used to feed infant below 12 months of age.
Không dùng cho trẻ dưới 12 tháng tuổi.
Not to be used for consumer allergic to product's ingredients.
Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

NET WEIGHT: 453.7 g
KHỐI LƯỢNG TỊNH: 453,7 g

Good to Know
Add an appropriate portion to your ice blended beverage or hot drinks, and make it more flavourful and enjoyable!

Bạn có biết
Hãy thêm một lượng bột kem vừa đủ vào thức uống lạnh hoặc nóng để thưởng thức với hương vị thơm ngon hơn!

Nestlé PROFESSIONAL

Contact Us/ Liên Hệ
Thailand 0-2675-8625
www.nestleprofessional.co.th
Việt Nam - Tư vấn: 18006699
(Miễn phí cuộc gọi)
consumer.services@vn.nestle.com
www.nestle.com.vn

8 850125 085183

eye mark 10x3 mm

Huhtamaki			
NBAP003300			
44056675 Laminate CNNN314 453.7g			
FILM ORDER	...../63	RETOUCH	K.Wanut
PRINT NO.	1	AW & ARTPRO	C.Nattawut
PRINT DATE	27 Oct 20		
JOB SIZE	340x259.5mm.	TX PROOF	
SPEC	PET	SALE NAME	L. Apajaroe
ROLL ☑	BAG ☐	GA SIGN	

Profile: ☑ Com2 Nonton, ☐ m351_xgl, ☐ smart_nt, ☐ multistar, ☐ etc.
ENCLOSURE: PAPER PROOF, MOCK UP, INKJET, STANDARD, BENCHMARK
CUSTOMER: BARCODE ☐, FDA ☐, TEXT ☐, KEYLINE ☐, EYEMARK ☐, WHITE BASE ☐
APPROVED | EDIT
SIGNATURE
DATE...../...../.....

① K ✓ ② PANTONE 478 C ✓ ③ C ✓ ④ M ✓ ⑤ Y ✓ ⑥ PANTONE 485 C ✓ ⑦ WHITE ALL ✓

JOB PRIORITY
1.
2.
3.
REMARK PROBLEM

PLEASE CAREFULLY CHECK THE DETAILS ON THE PAPER PROOF FOR ACCURATED CYLINDERS MAKING - กรุณาตรวจสอบรายละเอียดอย่างระมัดระวัง เพื่อความถูกต้องในการทำแม่พิมพ์

CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
T.P BIÊN HÒA - T.ĐỒNG NAI